TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2/- Bà Nguyễn Thị Xuyến

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 28/24 B, Phường 15, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin mặt)

Bị đơn: Ông Trần N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 7 D, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2023, các lời khai và biên bản không tiến hành hòa giải được trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần T trình bày:

Bà và ông Trần N nguyện chung sống và làm thủ tục đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 cấp ngày 4/3/2017.

Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về cách nuôi dạy con riêng của bà. Do ông N không đồng ý cho con gái của bà sống chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ cãi vả nhau, để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng bà đã phải đưa con về nhà nội sống để con được yên và học tập.

Tuy nhiên quá trình con gái bà sống ở nhà nội do không ở gần mẹ, không nhận được sự quan tâm chăm sóc trong thời kỳ con bước vào tuổi dậy thì dẫn đến con có nhiều biểu hiện tiêu cực, sao nhãng việc học, bị trầm cảm và thi rớt tốt nghiệp nên phải vào học tại trường dạy nghề. Mẫu thuẫn giữa bà và ông N ngày càng trầm trọng, từ tháng 9/2022 cho đến nay bà và ông N đã sống ly thân, trong quá trình sống ly thân hai bên đã thực hiện nhiều biện pháp để hàn gắn gia đình nhưng đều không đạt được. Nay bà nhận thấy tình cảm đối với ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nam.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Trần T: Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn ông Trần N: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy các yêu cầu của nguyên đơn bà Trần T là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần T yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần N có nơi cư trú tại Quận 3. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

- Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 13/6/2023, nguyên đơn bà Trần T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có sự tham gia của bà. Qua đó, bà T xác định: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Trần N; Về con chung không có; Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt bà T.

- Bị đơn ông Trần N đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Trần T và ông Trần N tự nguyện chung sống và có làm thủ tục đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 cấp ngày 4/3/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

[2.1]. Xét yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình chung sống của bà T và ông N có nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, về cách nuôi dạy con riêng của bà T, dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vả lẫn nhau. Từ tháng 9/2022 cho đến nay bà T và ông N đã sống ly thân, trong quá trình sống ly thân hai bên đã thực hiện nhiều biện pháp để hàn gắn gia đình nhưng đều không đạt được. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn ông N.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng rạn nứt kéo dài từ cuối năm 2020 dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cả hai đã ly thân từ tháng tháng 9/2022 không còn quan tâm gì đến nhau. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Trần N đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập và ông N có lên Tòa án và đã được Tòa án tiến hành giải thích cũng như hòa giải đoàn tụ, tuy nhiên ông N từ chối trình bày ý kiến nêu nguyện vọng của mình và từ chối ký vào các Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải, chứng tỏ ông N không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ các cơ sở nêu trên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông N là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2].Về con chung: Không có

[2.3]. Về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Trần T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự.

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn bà Trần T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần T được ly hôn ông Trần N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản: Bà Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Trần T phải chịu và được tính cấn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0008276 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần T đã nộp đủ án phí.

3/. Về quyền kháng cáo: Bà N và ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.